

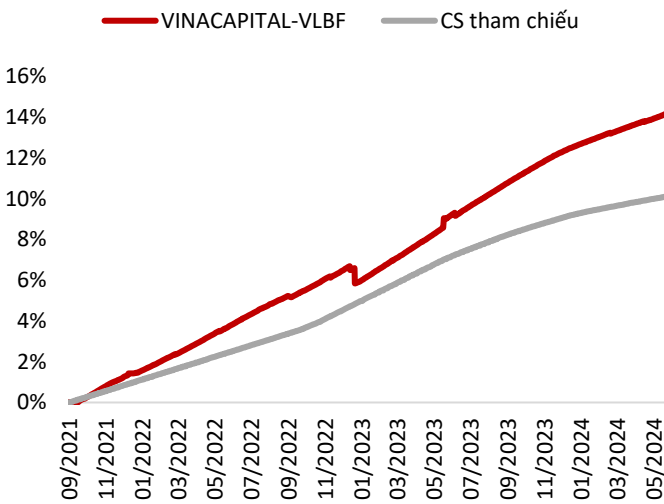
VINACAPITAL-VLBF

Chiến lược đầu tư

Quỹ VINACAPITAL-VLBF đầu tư chủ yếu các tài sản có thu nhập cố định có thanh khoản và chất lượng tín dụng tốt nhằm đem lại lợi nhuận rất ổn định với tiện ích thanh khoản hằng ngày.

Quỹ VINACAPITAL-VLBF có mức độ rủi ro thấp, phù hợp với các nhà đầu tư tìm kiếm kênh đầu tư an toàn ngắn hạn hoặc trung hạn với mức lợi nhuận mục tiêu cao hơn lãi suất tiết kiệm ngắn hạn. Lợi nhuận kỳ vọng của quỹ là từ 2,5 - 3,0% mỗi năm.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập

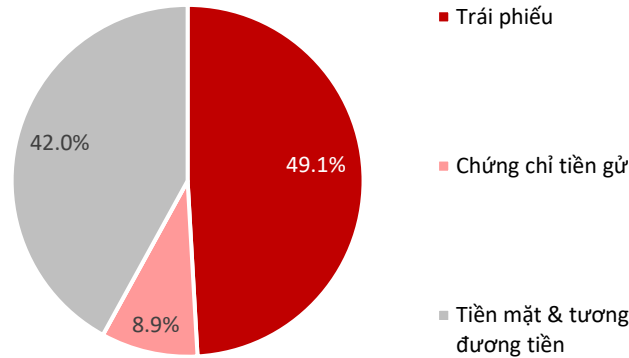


Hiệu suất đầu tư của quỹ VINACAPITAL-VLBF

	VINACAPITAL-VLBF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	64.0	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	11,419.6	
Lợi nhuận tháng 05/2024 (%)	0.3	0.2
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	1.4	0.9

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Phân bổ tài sản



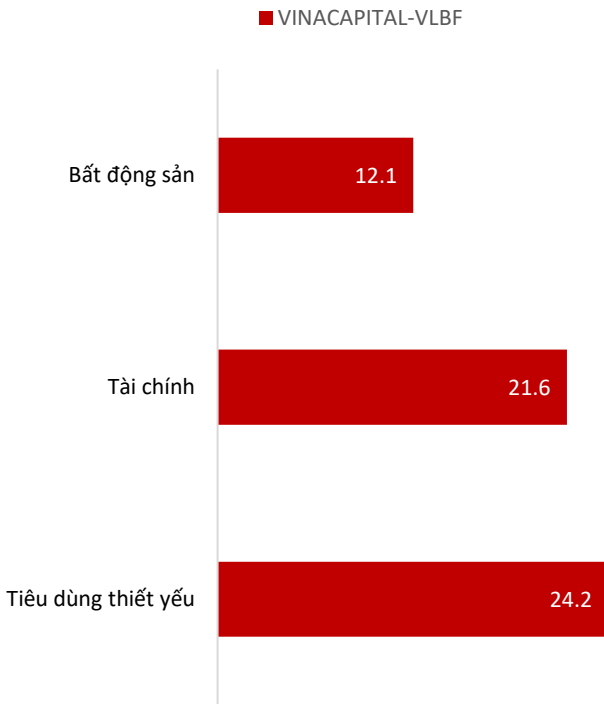
Thông tin Quỹ

Ngày thành lập	09/07/2021
Phí quản lý	0.9%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	<=45 ngày: 0.1%; >45 ngày: 0%
Mức đầu tư tối thiểu	0 VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	BIDV
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hằng ngày, Từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỷ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
BAF	CTCP Nông nghiệp BaF Việt Nam	16.1	10.3	1.1
AGR	Agribank JSC	12.7	6.9	5.0
TN1	CTCP TNS Holdings	12.1	4.0	0.8
FECREDIT	FE CREDIT	8.9	6.7	0.2
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	8.1	11.0	2.2

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VLBF

Tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam đã vượt xa đáng kể tốc độ tăng trưởng sản lượng sản xuất của cả nước trong suốt năm 2024 tính đến nay, khiến chúng tôi lưu ý rằng các nhà máy sẽ cần đẩy nhanh sản xuất để theo kịp nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm “Sản xuất tại Việt Nam”. Tăng trưởng sản lượng sản xuất tăng từ 6,3% so với cùng kỳ trong 4T24 lên 7,3% trong 5T24 (so với -2,5% trong 5T23), nhưng ngay cả với mức tăng tốc đó, tăng trưởng sản lượng sản xuất của Việt Nam vẫn tiếp tục thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng xuất khẩu 15% (lên 156,8 tỷ USD) trong 5T24. Do đó, hàng tồn kho thành phẩm tại các nhà máy của Việt Nam tiếp tục giảm trong tháng 5 và các công ty FDI đang tăng cường mua đầu vào sản xuất để mở rộng quy mô sản xuất theo khảo sát PMI sản xuất mới nhất của Việt Nam.

Hầu hết đầu vào sản xuất đều được nhập khẩu, do đó, tăng trưởng nhập khẩu của Việt Nam tăng từ 9% svck trong tháng 3 lên 19% trong tháng 4 và 30% trong tháng 5, khiến cán cân thương mại của cả nước từ thặng dư 2,8 tỷ USD trong tháng 3 xuống thặng dư 1,1 tỷ USD trong tháng 4. trước khi chuyển sang thâm hụt thương mại 1 tỷ USD vào tháng 5. Trong 5T24, nhập khẩu tăng 18% so với cùng kỳ (lên 148,8 tỷ USD) so với mức tăng trưởng xuất khẩu 15% nêu trên. Theo Tổng cục Thống kê, thặng dư thương mại của Việt Nam đã giảm từ 10,2 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 23 xuống còn 8 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 24.

Ngược lại với những điểm tích cực nêu trên, tốc độ tăng trưởng tiêu dùng có phần chậm lại trong tháng 5. Sự tăng trưởng của doanh số bán lẻ thực (tức là không bao gồm tác động của lạm phát) giảm từ 5,3% so với cùng kỳ trong 4 tháng đầu năm xuống 5,2% trong 5 tháng đầu năm mặc dù lượng khách du lịch Trung Quốc liên tục phục hồi lên hơn 80% so với mức trước dịch bệnh trong tháng 5. Lưu ý rằng tổng lượng khách du lịch đã vượt qua mức trước COVID trong 5 tháng đầu năm. Cuối cùng, lạm phát CPI vẫn ở mức 4,4% so với cùng kỳ trong tháng 5 mặc dù giá xăng dầu bán lẻ giảm khoảng 5% so với tháng trước; điều này một phần là do “hiệu ứng cơ sở thấp” xuất phát từ việc lạm phát ở Việt Nam chạm đáy chỉ ở mức 2% so với cùng kỳ vào giữa năm 2023.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng khối lượng phát hành trong tháng 5/2024 đạt 27,3 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 7 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Ngành Ngân hàng dẫn đầu về lượng phát hành với 19,5 nghìn tỷ đồng, chiếm hơn 70% tổng lượng phát hành đi kèm với lợi suất bình quân 5,4% và kỳ hạn bình quân 5,4 năm. Tiếp theo là lĩnh vực Bất động sản với tổng giá trị phát hành là 6,4 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 23.4% tổng lượng phát hành trong tháng, lợi suất bình quân 12% và kỳ hạn bình quân 2,8 năm. Trong đó, VinGroup và các công ty liên quan đã huy động được 6 nghìn tỷ đồng với lợi suất trung bình 12,3% và thời gian đáo hạn là 2,0 năm. Phần còn lại đến từ việc phát hành gồm MBS (300 tỷ đồng) thuộc ngành chứng khoán; HomeCredit (1000 tỷ đồng) và F88 (100 tỷ đồng) thuộc ngành cho vay tiêu dùng.

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.